

Bản án số: 343/2024/DS-PT  
Ngày: 23/4/2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Hương

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Kim

Bà Trần Thị Kim Quy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Quyện - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2024/TLPT- DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 473/2023/DS - ST ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1197/2024/QĐPT - DS ngày 07 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên Tòa số 3412/2024/QĐPT - DS ngày 06 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn :* Ông Lê Quới H, sinh năm 1959

Địa chỉ: số G B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Lê Trần Thụy Ái P, sinh năm 1983; Địa chỉ: số G B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bà Nguyễn Ngọc Như K, sinh năm 1987; Địa chỉ: số G hương lộ B B trị đông A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

*Bị đơn :* Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1984

Địa chỉ: B Quốc lộ A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1976; Địa chỉ liên hệ: Phòng 02.04 L, Tòa nhà N, số C T, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng C; Trụ sở: số C - C N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Quới H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T, bà Lê Trần Thụy Ái P trình bày:*

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Văn phòng C, địa chỉ số C - C N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H và ông Nguyễn Thành D có ký hợp đồng ủy quyền số công chứng 004189. Nội dung chính của hợp đồng ủy quyền bao gồm:

*“Các quyền về cho thuê, cho ở nhờ, cho mượn, nhận đặt cọc, mua bán - chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn, thế chấp... đối với nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ thửa đất số 402, tờ bản đồ số 21; địa chỉ G B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.*

*Thù lao ủy quyền : Không*

*Thời hạn ủy quyền: 30 năm kể từ ngày hợp đồng ủy quyền được công chứng viên chấp nhận...”*

Ngay sau khi ký hợp đồng ủy quyền ngày 07/9/2022, ngày 12/9/2022 nhận thấy nội dung ủy quyền như trên có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông H nên ông H đã tìm gặp ông Nguyễn Thành D để thỏa thuận việc chấm dứt hợp đồng ủy quyền nhưng không liên lạc và không gặp được ông Nguyễn Thành D.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, ông H đã làm thông báo gửi ông Nguyễn Thành D về việc đề nghị ông D hợp tác để chấm dứt hợp đồng nêu trên nhưng ông D không hợp tác. Ông H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền số công chứng 004189 ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Văn phòng C giữa ông Lê Quới H và ông Nguyễn Thành D.

*Bị đơn là ông Nguyễn Thành D có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Xuân H1 trình bày:*

Ngày 07/9/2022 ông Nguyễn Thành D có cho ông Lê Quới H vay số tiền 4.000.000.000 đồng với thời hạn 12 tháng, được tính từ ngày 07/9/2022 đến ngày 07/9/2023. Để đảm bảo cho khoản tiền trên thì ông H sẽ phải làm Hợp đồng ủy quyền cho ông D được toàn quyền quyết định căn nhà số G B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời phải giao bản chính Giấy chứng nhận của căn nhà nêu trên cho ông D giữ trong suốt thời hạn vay tiền. Thực hiện hợp đồng vay, ông D đã đưa toàn bộ số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông H, và ông H đã nhận đủ số tiền trên.

Phản ông H và ông D đã lập Hợp đồng ủy quyền số công chứng 004189, quyền số 09/2022TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 07/9/2022 do Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Tuy nhiên ông H đã giữ 02 bản chính Hợp đồng

ủy quyền nêu trên mà không giao cho ông D 01 bản chính để thực hiện công việc theo ủy quyền, đồng thời ông H cũng không giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB482868, số vào sổ cấp GCN : CH02570 do Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/07/2010 cho ông Lê Quới H đối với căn nhà tại số G B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông D giữ theo thỏa thuận. Ngoài ra ông H còn gửi Thông báo cho ông D để yêu cầu chấm dứt Hợp đồng ủy quyền nêu trên.

Ngày sau khi nhận được Thông báo của ông H, ông D đã yêu cầu ông H hoàn trả số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông D, nhưng ông H đều lảng tránh, đồng thời tắt máy điện thoại để không liên lạc với bất cứ ai.

Nay ông H lại khởi kiện ông D ra trước Tòa án nhân dân Quận 10, TP . để giải quyết tranh chấp Hợp đồng ủy quyền, trong khi đó ông H không liên hệ Tòa án nhân dân Quận 6 để giải quyết vụ kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản vì có liên quan đến nội dung xuất phát từ việc ông D cho ông H vay là từ Hợp đồng ủy quyền.

Sự việc ông H ký ủy quyền cho ông D là cơ sở để ông D cho ông H vay tiền nên hai sự việc này chắc chắn có liên quan tới nhau và hiện nay Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đang thụ lý giải quyết theo tố cáo của ông H. Chính vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 10 tạm đình chỉ giải quyết vụ án này để chờ kết quả giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng C trình bày :*

Vào thời điểm công chứng Hợp đồng ủy quyền (số công chứng 004189 ngày 07/9/2022) liên quan đến nhà ở và quyền sử dụng đất của ông Lê Quới H tọa lạc tại địa chỉ số G B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, công chứng viên đã thực hiện việc công chứng đúng trình tự, thủ tục, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

Do hồ sơ thể hiện rõ việc công chứng Hợp đồng ủy quyền nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật vào thời điểm công chứng, nên Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh không có ý kiến gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Đồng thời xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 473/2023/DS - ST ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quới H.

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền được lập giữa ông Lê Quới H và ông Nguyễn Thành D ngày 07 tháng 9 năm 2022, số công chứng 004189, quyền số 09/2022TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2022. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 24//10/2023, bị đơn ông Nguyễn Thành D có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 473/2023/DS - ST ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu tạm đình chỉ việc giải quyết vụ kiện trên.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn có người đại diện theo ủy quyền không rút đơn kháng cáo. Các bên vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Các đương sự đều không nộp thêm các chứng cứ nào khác ngoài các chứng cứ đã được giao nộp tại cấp sơ thẩm.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ để nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để cấp sơ thẩm xem xét lại, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy cấp sơ thẩm đã giải quyết đầy đủ yêu cầu của các bên và quyết định bản án có căn cứ pháp luật nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 473/2023/DS-ST ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành D đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành D đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 473/2023/DS-ST ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10,

Thành phố Hồ Chí Minh, trả hồ sơ để cấp sơ thẩm xem xét lại theo thủ tục sơ thẩm, vì cho rằng: Hợp đồng ủy quyền này thực chất dựa trên cơ sở của Hợp đồng vay tài sản, ông H mượn tiền của ông D nên ông H mới ký hợp đồng ủy quyền tài sản cho ông D; Hiện nay ông D đang khởi kiện ông H về hợp đồng vay tài sản tại Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nên đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 và tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

[3] Liên quan đến những nội dung mà bị đơn ông Nguyễn Thành D đưa ra để kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Vào ngày 07/9/2022, tại Văn phòng C, địa chỉ số C - C N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Lê Quới H và ông Nguyễn Thành D đã ký hợp đồng ủy quyền số công chứng 004189, với nội dung chính ông H ủy quyền cho ông D các quyền về cho thuê, cho ở nhờ, cho mượn, nhận đặt cọc, mua bán - chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn, thế chấp... đối với nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ thửa đất số 402, tờ bản đồ số 21; địa chỉ G B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Lê Quới H ; Thù lao ủy quyền : Không ; Thời hạn ủy quyền : 30 năm kể từ ngày hợp đồng ủy quyền được công chứng viên chứng nhận. Từ đó có cơ sở xác định Hợp đồng ủy quyền này là hợp đồng ủy quyền có thời hạn, không có thù lao, hợp đồng được ký kết đúng quy định pháp luật và đã có hiệu lực.

Ngày 12/9/2022, ông H đã làm thông báo gửi ông Nguyễn Thành D về việc đề nghị ông D hợp tác để chấm dứt hợp đồng nêu trên. Thông báo này được gửi đi ngày 13/9/2022, việc gửi đi có lập vi bằng, ông D cung cấp cho Tòa án trong đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có đoạn: “..Ngoài ra, ngày 12/9/2022 ông H còn gửi Thông báo cho T1 để yêu cầu chấm dứt Hợp đồng ủy quyền nêu trên ”. Như vậy, có căn cứ cho rằng ông D có nhận được “Thông báo chấm dứt Hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2022”.

Tại khoản 1 Điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “...nếu ủy quyền không có thù lao thì bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên được ủy quyền một thời gian hợp lý...”. Căn cứ theo quy định nêu trên của pháp luật, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền được lập giữa ông Lê Quới H và ông Nguyễn Thành D ngày 07 tháng 9 năm 2022, số công chứng 004189, quyển số 09/2022TP/CC- SCC/HĐGD tại Văn phòng C là phù hợp.

[3.2] Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng Hợp đồng ủy quyền này thực chất dựa trên cơ sở của Hợp đồng vay tài sản, vì ông H mượn tiền của ông D nên ông H mới ký hợp đồng ủy quyền tài sản cho ông D. Hiện nay, ông D đang khởi kiện ông H về hợp đồng vay tài sản tại Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nên đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, đồng thời đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an Thành phố H. Xét thấy, Hợp đồng ủy quyền không phải là một biện pháp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ như việc cầm cố, thế chấp tài sản... nên hiệu lực "*Hợp đồng ủy quyền*" không làm ảnh hưởng và không liên quan tới "*Hợp đồng vay tài sản*", theo quy định tại Điều 282 Bộ luật Dân sự và không thể gán Hợp đồng ủy quyền như một yếu tố không thể tách rời của Hợp đồng vay tài sản.

[3.3] Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản xác minh tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H và có kết quả trả lời như sau: "*Hiện tại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đang tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để xác định đối tượng gây án. Đối với việc giải quyết tranh chấp yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 10 giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.*" Do đó, căn cứ nội dung trả lời như trên, thì không có cơ sở tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự để chờ kết quả của Cơ quan điều tra theo như đề nghị của bị đơn.

[4] Nhận thấy, tại Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

*"1. Việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật này hoặc chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.*

*2. Thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật này hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự."*

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh, thu thập, đánh giá đầy đủ các chứng cứ liên quan đến vụ án đúng theo quy định pháp luật và không có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Bị đơn ông Nguyễn Thành D kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là phù hợp theo quy định tại Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với những nội dung mà người kháng cáo đã nêu ra trong suốt quá trình xét xử thì đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, nhận định tại bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu kháng cáo, do đó đối với lời đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 473/2023/DS-ST ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh của vị đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên Tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 473/2023/DS - ST ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quới H.

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền được lập giữa ông Lê Quới H và ông Nguyễn Thành D ngày 07 tháng 9 năm 2022, số công chứng 004189, quyền số 09/2022TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông Lê Quới H không phải chịu án phí và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh D1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0035527 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP. HCM;
- TAND Quận 10, TP.HCM;
- VKSND Quận 10, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 10, TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ngọc Hương**